

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN HIỆP
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2020/DS - ST

Ngày: 15-5-2020

V/v “*Tranh chấp hợp đồng góp
hụi*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN HIỆP, TỈNH KIÊN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Danh Vũ

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phan Thị Trúc Phương

2. Ông Đinh Khắc Việt

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Cẩm Ni, thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang.
Không tham gia phiên Tòa.

Trong ngày 15 tháng 5 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 40/2020/TLST-DS ngày 02 tháng 3 năm 2020 về việc “*Tranh chấp hợp đồng góp hụi*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2020/QĐXX-DS ngày 29 tháng 4 năm 2020 giữa các đương sự:

1/. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Kim C sinh năm: 1977 (Có mặt).

Địa chỉ: Số nhà 179, ấp T, xã A, huyện H, tỉnh Kiên Giang.

2/. Bị đơn: Ông Phạm Thành L, sinh năm: 1975 (Có mặt).

Bà Bùi Thị Đ, sinh năm: 1977 (Có đơn xin vắng mặt)

Cùng trú tại: Tổ 03, ấp Tân T, xã A, huyện H, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 11/02/2020 và các lời khai có trong hồ sơ vụ án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim C trình bày:

Trước đây bà C có tham gia 02 chân hụi do vợ chồng bà Bùi Thị Đ và ông Phạm Thành L là chủ hụi :

Chân hụi thứ nhất : Bà C tham gia 01 chân hụi vào tháng 12/2014 với số tiền hụi là 5000.000đ tổng số có 29 hụi viên tham gia, một năm khai 03 lần, đóng theo từng vụ lúa có huê hồng. Tính đến nay đã có 18 hụi viên hốt hụi, còn

lại 11 hội viên chưa hết hội. Bà C đã đóng được 18 lần với số tiền là 90.000.000đ (*Chín mươi triệu đồng*).

Chân hội thứ hai : Bà C tham gia vào tháng 02/2016 bà tham gia 02 chân hội với số tiền hội là 3.000.000đ, tổng số có 33 hội viên tham gia, 01 năm góp 04 lần mỗi lần góp 3000.000đ có huê hồng. Bà C đã đóng được 16 lần x 02 chân hội cho ông L, bà Đ tổng số tiền là 96.000.000đ (*Chín mươi sáu triệu đồng*). Bà Đ, ông L sau khi gom hội của các hội viên đã bỏ trốn khỏi địa phương mà không giao hội lại cho bà.

Tại phiên tòa bà C yêu cầu ông Phạm Thành L, bà Bùi Thị Đ trả số tiền hội còn thiếu là 186.000.000đ (*Một trăm tám mươi sáu triệu đồng*) và đồng ý cho ông L, bà Đ trả dần làm 04 lần, mỗi lần trả số tiền 46.500.000đ cho đến khi hết nợ và không yêu cầu tính lãi. Nếu ông L, bà Đ không đồng ý với cách trả như trên thì bà C yêu cầu trả một lần số tiền 186.000.000đ và không yêu cầu tính lãi

Theo bản tự khai ngày 29 tháng 4 năm 2020 bà Bùi Thị Đ và ông Phạm Thành L trình bày: Nguyên trước đây vào năm 2014 và năm 2016 vợ chồng ông bà có đứng ra làm chủ hội góp vốn xoay vòng. Bà Nguyễn Thị Kim C có tham gia 02 chân hội, 01 chân hội là 5.000.000đ và 01 chân hội 3.000.000đ (02 chân), chân hội 5000.000đ bà C đã đóng được 18 lần tổng số tiền là 90.000.000đ, chân hội 3.000.000đ chị C tham gia 02 chân và đã đóng được 16 lần x 3.000.000đ x 2 chân = 96.000.000đ. Quá trình thu hội do các tay em giật hội nên ông bà không có tiền giao lại cho bà C.

Tại phiên tòa bà C khởi kiện yêu cầu vợ chồng ông bà trả số tiền hội còn thiếu là 186.000.000đ (*Một trăm tám mươi sáu triệu đồng*) ông L thừa nhận còn nợ bà C số tiền hội trên. Do hoàn cảnh khó khăn nên ông L xin trả dần mỗi tháng là 2000.000đ cho đến khi hết nợ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Bà Nguyễn Thị Kim C khởi kiện yêu cầu bà Bùi Thị Đ và ông Phạm Thành L trả số tiền 186.000.000đ (*Một trăm tám mươi sáu triệu đồng*) yêu cầu trả một lần và không yêu cầu tính lãi. Đây là quan hệ tranh chấp hợp đồng góp hội theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thẩm quyền: Bà Nguyễn Thị Kim C khởi kiện bà Bùi Thị Đ và ông Phạm Thành L, ông L, bà Đ có hộ khẩu thường trú tại: tổ 05, ấp Tân T, xã A, huyện H, tỉnh Kiên Giang, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang. Theo quy định tại khoản 1 Điều 35 điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bà Bùi Thị Đ có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà Bùi Thị Đ.

[4] Về nội dung: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim C yêu cầu bà Bùi Thị Đ và ông Phạm Thành L trả số tiền hội 186.000.000đ (*Một trăm tám mươi sáu triệu đồng*) yêu cầu trả một lần và không yêu cầu tính lãi. Hội đồng xét xử xét thấy vào ngày 12/01/2014 al và ngày 05/02/2016 al ông Phạm Thành L, bà Bùi Thị Đ có đứng ra làm chủ hội để các hội viên góp vốn xoay vòng để tăng gia sản xuất. Chân hội 5.000.000đ có 29 thành viên tham gia và chân hội 3.000.000đ có 33 hội viên tham gia. Trong đó bà Nguyễn Thị Kim C tham gia chân hội 5.000.000 là 01 chân bà đã đóng hội cho bà Đ, ông L được 18 lần tổng số tiền 90.000.000đ và chân hội thứ 02 hội 3.000.000đ bà C tham gia góp hội 02 chân và đã góp cho ông L, bà Đ được 16 lần tổng số tiền là 96.000.000đ. Nhưng đến kỳ bà C hót hội thì ông L bà Đ không giao tiền hội cho bà, mà ông L bà Đ bỏ địa phương đi làm ăn và cũng không thông báo địa chỉ mới cho các hội viên tham gia chân hội biết. Bà C có điện thoại yêu cầu ông L, bà Đ giao lại số tiền hội nêu trên thì ông L, bà Đ chỉ hứa hẹn mà không chịu giao tiền. Việc ông L bà Đ không giao hội cho bà C là vi phạm nghĩa vụ của chủ hội được quy định khoản 3 Điều 18 của Nghị định 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về họ, hội, bêu phurong. Tại phiên tòa bà C yêu cầu ông L, bà Đ trả số tiền hội là 186.000.000đ là có cơ sở chấp nhận.

[5] Xét yêu cầu của bị đơn ông Phạm Thành L, bà Bùi Thị Đ Hội đồng xét thấy tại bản tự khai, biên bản hòa giải ngày 29/4/2020 và tại phiên tòa ông Phạm Thành L xác nhận còn nợ bà Nguyễn Thị Kim C số tiền hội là 186.000.000đ (*Một trăm tám mươi sáu triệu đồng*). Đây là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh, căn cứ vào khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử xác định đây là sự thật.

[6] Xét yêu cầu xin được trả dần của ông L, bà Đ cho rằng hiện nay gia đình đang gặp khó khăn về kinh tế ông bà xin trả dần cho bà C mỗi tháng là 2.000.000đ cho đến khi hết nợ, việc bà Đ, ông L xin trả dần không được bà C chấp nhận. Hơn nữa trước đây bà C cũng tạo cơ hội cho ông L, bà Đ trả dần nhưng bà Đ ông L không thực hiện việc trả nợ. Việc ông L, bà Đ không thực hiện nghĩa vụ trả nợ là xâm hại đến quyền và lợi ích của bà C. Do đó, Hội đồng xét xử không chấp nhận xin trả dần của ông L, bà Đ.

Từ những cơ sở trên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Kim C buộc ông Phạm Thành L, bà Bùi Thị Đ liên đới trả cho bà Nguyễn Thị Kim C số tiền là 186.000.000đ (*Một trăm tám mươi triệu đồng*).

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường Vụ Quốc Hội khóa 14 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Giá trị tài sản tranh chấp là 186.000.000đ (Một trăm tám mươi sáu triệu đồng).

Ấn phí tính như sau: $186.000.000\text{đ} \times 5\% = 9.300.000\text{đ}$ (Chín triệu ba trăm nghìn đồng).

- Yêu cầu của bà C được chấp nhận nên bà C không phải chịu tiền án phí. Trả lại cho bà Nguyễn Thị Kim C số tiền tạm ứng án phí 4.650.000đ (Bốn triệu sáu trăm năm mươi nghìn đồng) đã nộp theo lai thu số 0003775 ngày 27/02/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang.

- Buộc ông Phạm Thành L, bà Bùi Thị Đ phải nộp 9.300.000đ (*Chín triệu ba trăm nghìn đồng*).

[8] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2, 4 Điều 91, Điều 147; khoản 2 Điều 244 và khoản 1 Điều 273; Điều 278 và khoản 1 Điều 280 Bộ luật Tổ tụng dân sự.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 353, Điều 471 Bộ luật dân sự 2015.

Căn cứ khoản 3 Điều 18 của Nghị định 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về họ, hui, bêu phưong.

Căn cứ khoản 2 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim C.

2. Buộc ông Phạm Thành L, bà Bùi Thị Đ liên đới trả cho bà Nguyễn Thị Kim C số tiền là 186.000.000đ (*Một trăm tám mươi sáu triệu đồng*).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Về Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

- Yêu cầu của bà C được chấp nhận nên bà C không phải chịu tiền án phí.
Trả lại cho bà Nguyễn Thị Kim C số tiền tạm ứng án phí 4.650.000đ (*Bốn triệu*

sáu trăm năm mươi nghìn đồng) đã nộp theo lai thu số 0003775 ngày 27/02/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang.

- Buộc ông Phạm Thành L, bà Bùi Thị Đ phải nộp 9.300.000đ (*Chín triệu ba trăm nghìn đồng*).

Trường hợp bản án quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Quyền kháng cáo: Bà Nguyễn Thị Kim C và ông Phạm Thành L có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bà Bùi Thị Đ có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Tòa án ND tỉnh Kiên Giang
- VKSND huyện Tân Hiệp;
- THA dân sự huyện Tân Hiệp;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Danh Vũ

